

Phụ lục 02
MỨC PHÍ, LỆ PHÍ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI
(Kèm theo Quyết định số: 0808/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Tiếp tục áp dụng Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau và Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc ban hành danh mục, mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu (trước khi hợp nhất) theo quy định tại điểm b, điểm d khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025).

1. Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

a) Trên địa bàn tỉnh Cà Mau (trước hợp nhất):

Theo quy định tại Điều 8 Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau. Mức thu cụ thể:

- Phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân:

+ Đất phi nông nghiệp sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh tại các phường, thị trấn, mức thu 250.000 đồng/hồ sơ;

+ Đất phi nông nghiệp sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh tại các xã, mức thu 200.000 đồng/hồ sơ;

+ Đất ở và các loại đất khác, mức thu bằng 80% mức thu nêu trên tương ứng với từng khu vực.

- Phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với tổ chức:

+ Đất phi nông nghiệp sử dụng vào mục đích sản xuất kinh doanh: Diện tích dưới 0,5 ha, mức thu 1.000.000 đồng/hồ sơ; Diện tích từ 0,5 ha đến dưới 3 ha, mức thu 2.000.000 đồng/hồ sơ; Diện tích từ 3 ha đến dưới 5 ha, mức thu 3.000.000 đồng/hồ sơ; Diện tích từ 5 ha đến dưới 10 ha, mức thu 4.000.000 đồng/hồ sơ; Diện tích trên 10 ha, mức thu 6.000.000 đồng/hồ sơ.

+ Đất ở và các loại đất khác, mức thu bằng 80% mức thu tương ứng với quy mô diện tích quy định nêu trên.

b) Trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu (trước hợp nhất):

Theo quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Mức thu cụ thể:

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
1	Đối với hộ gia đình cá nhân		
1.1	Đất sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh		
a	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu	Đồng/hồ sơ/01 thửa	85.000

b	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.	Đồng/hồ sơ/01 thửa	120.000
c	Chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và công trình xây dựng	Đồng/hồ sơ/01 thửa	85.000
d	Cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất bằng 80% mức thu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu		
đ	Các trường hợp chứng nhận biến động khác (<i>chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, tách thửa, hợp thửa đất,...</i>):		
-	Trường hợp biến động đất đai mà thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận mức thu bằng mức thu cấp mới Giấy chứng nhận		
-	Trường hợp biến động đất đai mà không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận (<i>xác nhận biến động vào trang 3, 4</i>) mức thu bằng 80% mức thu cấp Giấy chứng nhận		
1.2	Đất sử dụng làm nhà ở		
	Mức thu thẩm định hồ sơ bằng 90% mức thu của đất sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh		
2	Đối với tổ chức, tổ chức kinh tế, cá nhân nước ngoài đầu tư tại Việt Nam		
a	Trường hợp Nhà nước giao đất, cho thuê đất		
-	Diện tích dưới 0,5 ha	Đồng/hồ sơ/01 thửa	1.800.000
-	Diện tích từ 0,5 ha đến dưới 01 ha	Đồng/hồ sơ/01 thửa	3.000.000
-	Diện tích từ 01 ha đến dưới 03 ha	Đồng/hồ sơ/01 thửa	4.200.000
-	Diện tích từ 03 ha đến dưới 10 ha	Đồng/hồ sơ/01 thửa	5.400.000
-	Diện tích từ 10 ha đến dưới 30 ha	Đồng/hồ sơ/01 thửa	6.600.000
-	Diện tích từ 30 ha trở lên	Đồng/hồ sơ/01 thửa	7.800.000
b	Trường hợp giao đất cho cơ quan Nhà nước		
-	Diện tích dưới 01 ha	Đồng/hồ sơ/01 thửa	1.200.000
-	Diện tích từ 01 ha đến dưới 03 ha	Đồng/hồ sơ/01 thửa	1.800.000
-	Diện tích từ 03 ha đến dưới 10 ha	Đồng/hồ sơ/01 thửa	3.000.000
-	Diện tích từ 10 ha đến dưới 30 ha	Đồng/hồ sơ/01 thửa	4.200.000
-	Diện tích từ 30 ha trở lên	Đồng/hồ sơ/01 thửa	5.400.000
c	Trường hợp chuyển quyền sở hữu nhà gắn liền với quyền sử dụng đất		
-	Các dự án đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê	Đồng/hồ sơ/01 thửa	350.000
-	Các dự án xã hội hóa theo quy định của Nhà nước	Đồng/hồ sơ/01 thửa	240.000

d	Trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu không thuộc Nhà nước giao đất, cho thuê đất	Đồng/hồ sơ/01 thửa	350.000
đ	Cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất		
-	Diện tích dưới 500m ²	Đồng/hồ sơ/01 thửa	350.000
-	Diện tích từ 500m ² đến dưới 1.000m ²	Đồng/hồ sơ/01 thửa	450.000
-	Diện tích từ 1.000m ² đến dưới 3.000m ²	Đồng/hồ sơ/01 thửa	550.000
-	Diện tích từ 3.000m ² đến dưới 5.000m ²	Đồng/hồ sơ/01 thửa	650.000
-	Diện tích từ 5.000m ² đến dưới 10.000m ²	Đồng/hồ sơ/01 thửa	750.000
-	Diện tích từ 10.000m ² trở lên	Đồng/hồ sơ/01 thửa	850.000
e	Cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận	Đồng/hồ sơ/01 thửa	350.000
f	Các trường hợp chứng nhận biến động khác:		
-	Trường hợp biến động đất đai mà thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận	Đồng/hồ sơ/01 thửa	350.000
-	Trường hợp biến động đất đai mà không thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận (<i>xác nhận biến động vào trang 3, 4</i>)	Đồng/hồ sơ/01 thửa	300.000
g	Chứng nhận tài sản vào Giấy chứng nhận đã cấp	Đồng/hồ sơ	350.000

2. Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

a) Trên địa bàn tỉnh Cà Mau (trước hợp nhất):

Theo quy định tại Điều 8 Quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau. Mức thu cụ thể (áp dụng theo địa giới hành chính cấp xã trước khi hợp nhất):

- *Đối với hộ gia đình, cá nhân tại các phường, thị trấn*
- + *Cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất: 100.000 đồng/giấy;*
- + *Cấp đổi, cấp lại, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận): 50.000 đồng/giấy;*
- + *Cấp mới Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất): 25.000 đồng/giấy;*
- + *Cấp đổi, cấp lại, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận): 20.000 đồng/giấy;*
- + *Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai: 25.000 đồng/lần;*
- + *Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 15.000 đồng/lần;*

- Đối với hộ gia đình, cá nhân tại các xã: mức thu bằng 50% mức thu tương ứng tại các phường, thị trấn.

- Đối với tổ chức

+ Cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất: 500.000 đồng/giấy;

+ Cấp mới Giấy chứng nhận chỉ có quyền sử dụng đất (không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất): 100.000 đồng/giấy;

+ Cấp đổi, cấp lại, xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận (kể cả cấp lại Giấy chứng nhận do hết chỗ xác nhận): 50.000 đồng/giấy;

+ Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai: 30.000 đồng/lần;

+ Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính: 30.000 đồng/lần.

b) Trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu (trước hợp nhất):

Theo quy định tại Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Mức thu cụ thể (áp dụng theo địa giới hành chính cấp xã trước khi hợp nhất):

STT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu
1	Đối với hộ gia đình, cá nhân		
a	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất		
	- Đất tại khu vực phường	Đồng/hồ sơ/01 thửa	35.000
	- Đất tại khu vực thị trấn	Đồng/hồ sơ/01 thửa	25.000
	- Đất tại khu vực xã	Đồng/hồ sơ/01 thửa	12.000
b	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở hoặc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất		
	- Đất tại khu vực phường	Đồng/hồ sơ/01 thửa	70.000
	- Đất tại khu vực thị trấn	Đồng/hồ sơ/01 thửa	35.000
	- Đất tại khu vực xã	Đồng/hồ sơ/01 thửa	16.000
c	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất		
	- Đất tại khu vực phường	Đồng/hồ sơ/01 thửa	100.000
	- Đất tại khu vực thị trấn	Đồng/hồ sơ/01 thửa	50.000
	- Đất tại khu vực xã	Đồng/hồ sơ/01 thửa	25.000

d	Cấp Giấy chứng nhận đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất		
	- Đất tại khu vực phường	Đồng/hồ sơ/01 thửa	70.000
	- Đất tại khu vực thị trấn	Đồng/hồ sơ/01 thửa	50.000
	- Đất tại khu vực xã	Đồng/hồ sơ/01 thửa	25.000
đ	Cấp đổi, cấp lại quyền sử dụng đất <i>(không có nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)</i>		
	- Đất tại khu vực phường	Đồng/hồ sơ/01 thửa	30.000
	- Đất tại khu vực thị trấn	Đồng/hồ sơ/01 thửa	20.000
	- Đất tại khu vực xã	Đồng/hồ sơ/01 thửa	10.000
e	Cấp đổi, cấp lại quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất		
	- Đất tại khu vực phường	Đồng/hồ sơ/01 thửa	50.000
	- Đất tại khu vực thị trấn	Đồng/hồ sơ/01 thửa	40.000
	- Đất tại khu vực xã	Đồng/hồ sơ/01 thửa	20.000
g	Cấp đổi, cấp lại và đồng thời xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận		
	- Đất tại khu vực phường	Đồng/hồ sơ/01 thửa	50.000
	- Đất tại khu vực thị trấn	Đồng/hồ sơ/01 thửa	40.000
	- Đất tại khu vực xã	Đồng/hồ sơ/01 thửa	20.000
h	Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai		
	- Đất tại khu vực phường	Đồng/hồ sơ/01 thửa	30.000
	- Đất tại khu vực thị trấn	Đồng/hồ sơ/01 thửa	30.000
	- Đất tại khu vực xã	Đồng/hồ sơ/01 thửa	15.000
i	Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	Đồng/lần	15.000
2	Đối với tổ chức		
a	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đồng/hồ sơ/01 thửa	150.000

b	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở hoặc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất.	Đồng/hồ sơ/01 thửa	350.000
c	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Đồng/hồ sơ/01 thửa	550.000
d	Cấp Giấy chứng nhận đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	Đồng/hồ sơ/01 thửa	250.000
đ	Cấp đổi, cấp lại quyền sử dụng đất <i>(không có nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất)</i>	Đồng/hồ sơ/01 thửa	50.000
e	Cấp đổi, cấp lại quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	Đồng/hồ sơ/01 thửa	70.000
g	Cấp đổi, cấp lại và đồng thời xác nhận bổ sung vào Giấy chứng nhận	Đồng/hồ sơ/01 thửa	100.000
h	Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai	Đồng/hồ sơ/01 thửa	50.000
i	Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	Đồng/lần	30.000